

Biểu số 11

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
CÙ CHÍNH LAN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	18	1.45m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	18	1.45m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	1.36 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học		18/18
8	Bình quân học sinh/lớp		33/18
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	1	4.100 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2	2000 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	18	1.45 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	5	1.45 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	1.6 m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	1	0.22 m ² /học sinh
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	
1.1	Khối lớp 6		1 bộ/5lớp
1.2	Khối lớp 7		1 bộ/4lớp
1.3	Khối lớp 8		1 bộ/4 lớp



1.4	Khối lớp 9		1 bộ/4 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		0
2.2	Khối lớp 7		0
2.3	Khối lớp 8		0
	Khối lớp 9		0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		0
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	48	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	18	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	1/18
2	Cát xét	10	10/18
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	-
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	6/18
5	Thiết bị khác...	1	1/18
6			



IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	18	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	1/18
2	Cát xét	10	10/18
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	6/18
5	Thiết bị khác...	1	1/18
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích Bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	291.4	320	0.9
XIII	Khu nội trú	-	-	-

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Giáo viên	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	2	0	0.1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	
XVII	Kết nối internet	1	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	1	
XIX	Tường rào xây	1	

Bình Thạnh, ngày 13 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Trần Hoài Huân